

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HUNG YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1386/GPMT-UBND

Hung Yên, ngày 23 tháng 4 năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HUNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025, Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16 tháng 6 năm 2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Xét Văn bản số 02/2026/VB-HTVN ngày 06 tháng 4 năm 2026 của Công ty TNHH công nghệ in ấn bao bì Hung Tung Việt Nam về việc hoàn thiện báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của Dự án đầu tư xây dựng nhà máy in ấn bao bì Hung Tung Việt Nam và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 330/TTr-SNNMT ngày 16 tháng 4 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH công nghệ in ấn bao bì Hung Tung Việt Nam, địa chỉ tại Lô 6.7.8, Khu công nghiệp Tiên Hải (thuê nhà xưởng của Công ty TNHH thương mại Kỳ Hoa), xã Ái Quốc, tỉnh Hưng Yên được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án đầu tư xây dựng nhà máy in ấn bao bì Hung Tung Việt Nam tại Khu công nghiệp Tiên Hải, xã Ái Quốc, tỉnh Hưng Yên với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án: Dự án đầu tư xây dựng nhà máy in ấn bao bì Hưng Tung Việt Nam.

1.2. Địa điểm hoạt động: Khu công nghiệp Tiền Hải, xã Ái Quốc, tỉnh Hưng Yên.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1001281468 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính tỉnh Hưng Yên cấp, đăng ký lần đầu ngày 25 tháng 6 năm 2024, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 04 tháng 9 năm 2025; Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư số 155/QĐ-BQLKKT do Ban Quản lý Khu kinh tế và các Khu công nghiệp tỉnh cấp lần đầu ngày 28 tháng 02 năm 2019, điều chỉnh lần thứ ba ngày 24 tháng 11 năm 2025.

1.4. Mã số thuế: 1001281468.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất bao bì, hộp, túi giấy các loại.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất:

- Diện tích đất sử dụng: 28.463,5 m².

- Nhóm dự án (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Dự án nhóm B.

- Dự án thuộc Danh mục dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026.

- Công suất thiết kế: Sản xuất bao bì, hộp, túi giấy các loại 9.600 tấn/năm.

- Quy trình công nghệ sản xuất:

+ Sản xuất giấy sóng phục vụ sản xuất bao bì, túi, hộp giấy các loại: Nguyên vật liệu (giấy mặt Kraft, giấy lõi Kraft) → Xả cuộn → Tạo sóng ép nóng → Dán → Làm nguội → Cắt chi tiết thừa → Bán thành phẩm (chuyển sang công đoạn Dán lớp giấy sóng của quá trình sản xuất bao bì, túi, hộp giấy các loại).

+ Sản xuất bao bì, túi, hộp giấy các loại: Nhận đơn đặt hàng, phê duyệt bản thảo → Xuất bản thảo → In ấn → Gia công bề mặt → Dán lớp giấy sóng → Cắt viền/Khắc rãnh → Dán cửa sổ/Dán hộp → Kiểm hàng/Đóng gói nhập kho.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH công nghệ in ấn bao bì Hung Tung Việt Nam.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH công nghệ in ấn bao bì Hung Tung Việt Nam có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm kể từ ngày ký Giấy phép.

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật. /

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Ban Quản lý KKT và các KCN tỉnh;
- Trung tâm PVHCC (trả kết quả);
- UBND xã Ái Quốc;
- Công ty TNHH công nghệ in ấn bao bì Hung Tung Việt Nam;
- Tổng Công ty Viglacera - CTCP;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh (đăng tải công khai);
- Lưu: VT, KT2^{Thìn}.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hùng Nam

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HUNG YÊN
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HUNG YÊN
23/04/2026 09:58:35

Phụ lục 1

YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 3876/GPMT-UBND ngày 23 tháng 4 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vệ sinh (tại khu văn phòng, nhà xưởng) được thu gom xử lý sơ bộ bằng các bể tự hoại 3 ngăn, nước thải tại khu vực nhà bếp qua bể tách mỡ; nước thải sau đó được thu gom, dẫn về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 40 m³/ngày đêm.

- Nước thải công nghiệp: Nước xả đáy nồi hơi dẫn về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 40 m³/ngày đêm.

- Nước thải sau khi xử lý tại hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Tiên Hải tại vị trí có tọa độ $X_{(m)} = 2256113.6704$, $Y_{(m)} = 605733.8790$ (Theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến 105°30' múi chiều 3°).

Công ty TNHH công nghệ in ấn bao bì Hưng Tung Việt Nam đã ký Biên bản thỏa thuận điểm đầu ngày 20 tháng 3 năm 2026 với Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng - Chi nhánh Tổng Công ty Viglacera - CTCP và Công ty Đầu tư hạ tầng và Đô thị Viglacera - Chi nhánh Tổng Công ty Viglacera - CTCP (là các đại diện của Tổng Công ty Viglacera - CTCP - Chủ đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Tiên Hải).

1.2. Hệ thống xử lý nước thải của dự án:

Hệ thống xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt + nước xả đáy nồi hơi → Bể gom → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → Bể bơm xả → Đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Tiên Hải.

+ Công suất thiết kế hệ thống xử lý nước thải: 40 m³/ngày đêm.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: Ethanol 20%, NaOCl 10%, NaOH 20%.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026.

1.4. Biện pháp, công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Biện pháp phòng ngừa:

- Vận hành trạm xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật; thường xuyên kiểm tra máy móc, thiết bị và các hạng mục công trình của hệ thống xử lý nước thải để kịp thời phát hiện sự cố.

- Kiểm tra, bảo dưỡng, bảo trì định kỳ hệ thống thu gom, xử lý nước thải.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý.

1.4.2. Quy trình ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải:

- Khi phát hiện hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố, triển khai ngay các biện pháp: Dừng hoạt động của hệ thống xử lý nước thải; đóng van xả nước thải từ hệ thống xử lý ra ống thoát nước thải, nước thải được hệ thống bơm trung chuyển bơm về bể thu gom, bể điều hòa của hệ thống xử lý. Khi các bể chứa đầy nước thì hệ thống bơm trung chuyển sẽ dừng hoạt động; nhân viên kỹ thuật tiến hành kiểm tra, sửa chữa, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý. Sau khi khắc phục xong sự cố hệ thống sẽ tiếp tục xử lý phần nước lưu chứa tại các bể; đồng thời tiến hành lấy mẫu kiểm chứng nước thải đầu vào và đầu ra để đánh giá hiệu quả của công trình xử lý nước thải.

- Đối với sự cố không thể khắc phục ngay, tạm dừng hoạt động sản xuất của nhà máy; chỉ hoạt động lại khi khắc phục xong sự cố, bảo đảm nước thải xử lý đạt tiêu chuẩn chất lượng nước thải đầu vào của hệ thống xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Tiên Hải.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm theo quy định tại điểm k khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ, Điều 11 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án, bảo đảm đáp ứng yêu cầu đầu nối của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Tiên Hải, không xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Bảo đảm bố trí đủ kinh phí, nhân lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.3. Chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Tiên Hải để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra môi trường. *21*

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 7086/GPMT-UBND ngày 23 tháng 4 năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ khu vực in ấn, in nhãn (gồm: Máy in nhãn, máy in offset 6 màu, máy in offset 5 màu, máy in 2 màu, máy in màu);
- Nguồn số 02: Khí thải phát sinh từ khu vực gia công sau (gồm: Máy UV khổ lớn 1.65, máy dán nhựa bóng kính tự động, máy phủ bóng UV tự động, máy in màn hình pittong con lăn tự động, máy phủ màng tự động, máy phủ keo lớn);
- Nguồn số 03: Khí thải phát sinh từ nồi hơi đốt gas;
- Nguồn số 04: Khí thải từ máy phát điện dự phòng.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải:

TT	Dòng khí thải	Từ nguồn	Hệ thống xử lý khí thải	Lưu lượng xả lớn nhất (m ³ /giờ)	Tọa độ vị trí xả khí thải (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 105°30', múi chiều 3°)	
					X _(m)	Y _(m)
1	Dòng khí thải số 01	Số 01	Số 01	33.000	2256219.5413	605649.8693
2	Dòng khí thải số 02	Số 02	Số 02	18.000	2256212.6820	605716.7830

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Xả thải liên tục theo các thời điểm sản xuất.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp (cột C); cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ, quan trắc tự động, liên tục
Dòng khí thải số: 01, 02				
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	-	Không thuộc đối tượng
2	Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (tính theo TVOC)	mg/Nm ³	≤100	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Khí thải phát sinh từ khu vực in ấn, in nhãn (gồm: Máy in nhãn, máy in offset 6 màu, máy in offset 5 màu, máy in 2 màu, máy in màu) (nguồn số 01) được thu gom về hệ thống xử lý khí thải (hệ thống xử lý số 01), xả ra môi trường qua 01 ống thoát khí.

- Khí thải phát sinh từ khu vực gia công sau (gồm: Máy UV khổ lớn 1.65, máy dán nhựa bóng kính tự động, máy phủ bóng UV tự động, máy in màn hình pittong con lăn tự động, máy phủ màng tự động, máy phủ keo lớn) (nguồn số 02) được thu gom về hệ thống xử lý khí thải (hệ thống xử lý số 02), xả ra môi trường qua 01 ống thoát khí.

- Khí thải phát sinh từ 02 nồi hơi đốt gas (nguồn số 03) được thu gom và xả ra môi trường qua 02 ống thoát khí tương ứng với từng nồi hơi.

- Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng (nguồn số 04) được thu gom và xả ra môi trường qua 01 ống thoát khí.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ khu vực in ấn, in nhãn (hệ thống xử lý số 01):

+ Số lượng: 01 hệ thống.

+ Quy trình công nghệ xử lý: Khí thải → Chụp hút, đường ống → Quạt hút → Hộp hấp phụ than hoạt tính → Ống thoát khí → Môi trường.

+ Công suất thiết kế: 33.000 m³/giờ.

- Hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ khu vực gia công sau (hệ thống xử lý số 02):

+ Số lượng: 01 hệ thống.

+ Quy trình công nghệ xử lý: Khí thải → Chụp hút, đường ống → Quạt hút → Tháp hấp thụ, hấp phụ → Ống thoát khí → Môi trường.

+ Công suất thiết kế: 18.000 m³/giờ.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Lắp đặt hệ thống theo đúng hướng dẫn, thiết kế, vận hành chạy thử và nghiệm thu.

- Khi xảy ra sự cố, cho ngừng hoạt động tại công đoạn phát sinh khí thải tương ứng, tìm nguyên nhân sửa chữa, khắc phục kịp thời. Chỉ hoạt động lại công đoạn có phát sinh khí thải khi khắc phục xong sự cố, bảo đảm khí thải xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật quy định.

- Thường xuyên bảo dưỡng, vận hành theo hướng dẫn để bảo đảm hiệu quả xử lý của hệ thống.

- Đào tạo đội ngũ công nhân có kỹ thuật tốt, nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục nếu các sự cố xảy ra.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Không quá 06 tháng sau khi hoàn thành xây dựng và lắp đặt hệ thống xử lý khí thải.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

- Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

+ Hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ khu vực in ấn, in nhãn (hệ thống xử lý số 01).

+ Hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ khu vực gia công sau (hệ thống xử lý số 02).

- Vị trí lấy mẫu: Tại 02 ống thoát khí thải ra môi trường từ 02 hệ thống xử lý khí thải.

- Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Theo nội dung Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025, Thông tư số 09/2026/TT-BTNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Máy phát điện dự phòng chỉ sử dụng gián đoạn trong các trường hợp mất điện, không yêu cầu phải có hệ thống xử lý khí thải, nhưng nhiên liệu dầu diesel sử dụng phải đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

3.3. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026.

3.4. Thông báo cho Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc khí thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải, gửi Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường trước thời điểm kết thúc vận hành thử nghiệm 20 ngày.

3.5. Bảo đảm bố trí đủ nguồn nhân lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.6. Chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không bảo đảm các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường. 

Phụ lục 3

**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1386/GPMT-UBND ngày 23 tháng 4 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Khu vực tại xưởng sản xuất số 01;
- Nguồn số 02: Khu vực tại xưởng sản xuất số 02;
- Nguồn số 03: Trạm xử lý nước thải sinh hoạt;
- Nguồn số 04: Hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ khu vực in ấn, in nhãn (hệ thống xử lý số 01).
- Nguồn số 05: Hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ khu vực gia công sau (hệ thống xử lý số 02).
- Nguồn số 06: Máy phát điện dự phòng.

2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn:

TT	Ngày (06h00 đến trước 18h00 (dBA))	Tối (18h00 đến trước 22h00) (dBA)	Đêm (22h00 đến trước 06h00) (dBA)	Ghi chú
1	70	65	60	Khu vực E

Trong đó cho phép điều chỉnh ngưỡng quy định giá trị giới hạn trên theo thời gian phát ra tiếng ồn theo quy định tại bảng 2 của QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

2.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Ghi chú
	Ngày (06:00 ~ trước 22:00) (dB)	Đêm (22:00 ~ trước 06:00) (dB)	
1	75	70	Khu vực D

Trong đó cho phép điều chỉnh ngưỡng quy định giá trị giới hạn trên theo thời gian phát ra độ rung theo quy định tại bảng 2 của QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Lắp đặt một số thiết bị (đệm cao su, lò xo) để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung trong quá trình sản xuất.
- Vận hành đúng kỹ thuật các loại máy móc, thiết bị sản xuất bảo đảm hệ thống bôi trơn và các chi tiết truyền động.
- Thường xuyên bảo dưỡng, kiểm tra định kỳ máy móc, độ mài mòn chi tiết để bôi trơn dầu mỡ, thay mới thiết bị mài mòn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung. 

Phụ lục 4

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ TUNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1386/GPMT-UBND ngày 23 tháng 4 năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	105
2	Ắc quy, pin thải	19 06 05	85
3	Dung dịch thải thuốc hiện ảnh và tráng phim gốc nước	19 01 01	544
Tổng			734

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Sản phẩm lỗi	133.040
2	Giấy nguyên liệu thải bỏ	1.104.000
3	Băng dính, nhựa thừa, bao bì nilon,... thải bỏ	72.448
4	Hộp mực in văn phòng	50
5	Bùn nạo vét hệ thống thoát nước mưa, bùn cặn từ bể tự hoại, bùn từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt	5.940
Tổng		1.315.478

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	82,5

1.4. Khối lượng chất thải công nghiệp phải kiểm soát:

STT	Tên	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực in) thải	08 02 04	120
2	Mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực in) thải	08 02 01	10

3	Bao bì kim loại cứng thải	18 01 02	250
4	Bao bì nhựa cứng thải	18 01 03	250
5	Bao bì mềm thải	18 01 01	50
6	Chất hấp phụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	40.000
7	Than hoạt tính (trong buồng hấp phụ) đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	12 02 06	10.340
8	Nước thải có các thành phần nguy hại (từ quá trình rửa bản thảo; rửa đầu hút mực máy in, khuôn in; hệ thống xử lý khí thải)	19 10 01	17.328
Tổng			68.348

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa có nắp đậy.
- Kho lưu giữ chất thải nguy hại: 01 kho lưu giữ với diện tích 49,8 m².

Thiết kế, cấu tạo: Nền bê tông cao hơn nền khu vực, có mái che, tường bao, có rãnh chống tràn chất thải nguy hại dạng lỏng, cửa ra vào, biển báo.

Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: Có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa có nắp đậy và bao tải buộc kín.
- Khu vực lưu chứa: 01 kho lưu giữ diện tích 25,2 m²; có nền bê tông hơn nền khu vực, có mái che, tường bao, cửa ra vào, biển báo.
- Bùn nạo vét hệ thống thoát nước mưa, bùn cặn từ bể tự hoại, bùn từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt được hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, vận chuyển, xử lý; không lưu giữ tại kho.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa có nắp đậy.

- Khu vực lưu chứa: Lưu giữ chung với chất thải rắn công nghiệp thông thường tại 01 kho lưu giữ diện tích 25,2 m².

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu kỹ thuật theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải và phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo hướng dẫn tại Thông tư số 41/2025/TT-BNNMT ngày 14 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn kỹ thuật về phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải và phục hồi môi trường sau sự cố môi trường.

2. Có trách nhiệm xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải theo mẫu tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 41/2025/TT-BNNMT ngày 14 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Trường hợp lồng ghép, tích hợp kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Tổ chức ứng phó sự cố chất thải theo quy định tại Điều 125 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 7 Quy chế ứng phó sự cố chất thải được ban hành kèm theo Quyết định số 11/2025/QĐ-TTg ngày 23 tháng 4 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ. 

Phụ lục 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy ~~phép~~ môi trường số 1386/GPMT-UBND ngày 23 tháng 4 năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG.

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC.

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.
2. Chịu trách nhiệm đền bù thiệt hại môi trường do dự án gây ra theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan.
3. Thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, đồng thời áp dụng các biện pháp tiên tiến nhằm hạn chế tối đa các tác động tiêu cực đến môi trường trong suốt quá trình xây dựng và vận hành dự án.
4. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
5. Giảm thiểu phát sinh chất thải rắn thông qua việc áp dụng các giải pháp cải thiện hiệu quả hoạt động. Nước thải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.
6. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn giao thông, an toàn lao động, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy.
7. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.
8. Công khai giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật./.